



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ
PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ

số tháng 10/2022



MỤC LỤC



PHẦN I: KINH TẾ THẾ GIỚI	1
1. Tình hình kinh tế thế giới tháng 9/2022	1
1.1. Tổng quan chung	1
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới	3
2. Dự báo tăng trưởng	7
PHẦN II: KINH TẾ VIỆT NAM	8
1. Tình hình kinh tế Việt Nam tháng 9/2022	8
1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội	9
1.1.1. Sản xuất công nghiệp	9
1.1.2. Xuất nhập khẩu	9
1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp	10
1.1.4. Hoạt động đầu tư	11
1.1.5. Thu chi ngân sách	11
1.1.6. Chỉ số giá tiêu dùng	11
1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ	12
1.2.1. Tăng trưởng tín dụng	12
1.2.2. Tỷ giá	12
1.2.3. Chứng Khoán	12
1.2.4. Lạm phát	13
2. Dự báo kinh tế Việt Nam	14
2.1. Về chủ trương, chính sách	14
2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam	14
PHẦN III: THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO	16
1. Thị trường dầu thô	16
2. Thị trường khí	20
3. Thị trường phân bón	22
4. Thị trường điện	24
Phụ lục I: Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 9 năm 2022	26



PHẦN I

KINH TẾ THẾ GIỚI

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THÁNG 9/2022

1.1. Tổng quan chung

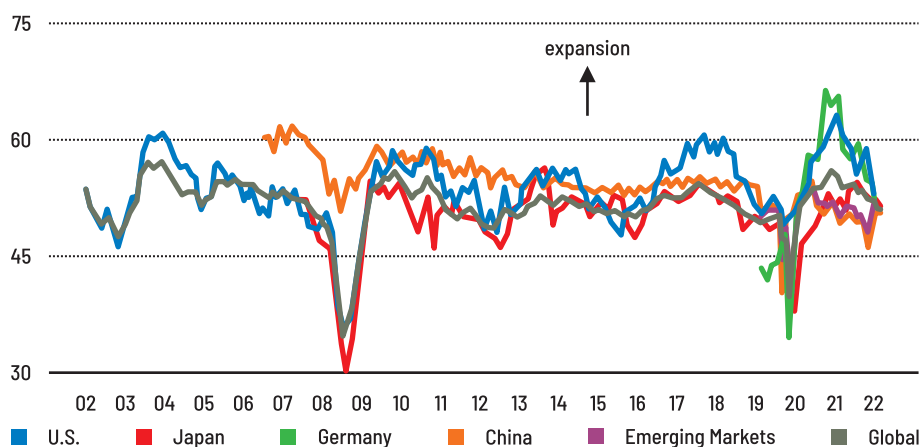
Nguy cơ suy thoái kinh tế là từ khóa nổi bật trong các tin tức quốc tế tuần qua. Các tổ chức quốc tế, các định chế tài chính hàng đầu thế giới đều có chung nhận định nền kinh tế toàn cầu đang trên đà rơi vào suy thoái do ảnh hưởng của các cuộc khủng hoảng đa tầng đang diễn ra.

Có ít nhất hai nhân tố cảnh báo suy thoái sẽ diễn ra, đó là: (i). Tăng trưởng toàn cầu suy yếu đáng kể trong năm trước; (ii) Tất cả các cuộc suy thoái toàn cầu trước đây đều trùng khớp với sự suy thoái mạnh hoặc suy thoái hoàn toàn ở một số nền kinh tế lớn.

Chỉ số PMI sản xuất toàn cầu của JP Morgan giảm từ 50,3 vào tháng 8/2022 xuống 49,8 vào tháng 9/2022. Lần đầu tiên chỉ số này giảm xuống dưới ngưỡng trung bình (50,0) kể từ tháng 6/2020.

Chỉ số PMI ngành sản xuất của các nền kinh tế lớn đều nằm quanh ngưỡng 50, báo hiệu sự suy giảm sắp tới.

BIẾN ĐỘNG PMI NGÀNH SẢN XUẤT QUA CÁC NĂM

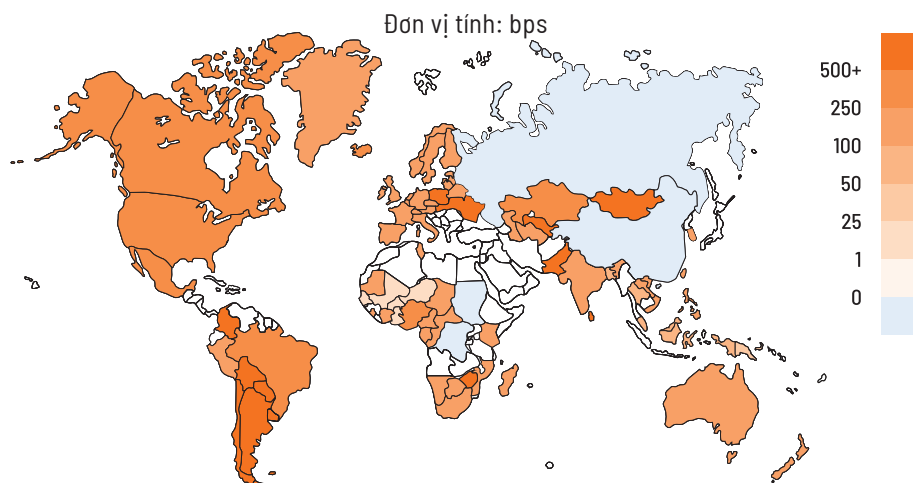


Nguồn: Bloomberg

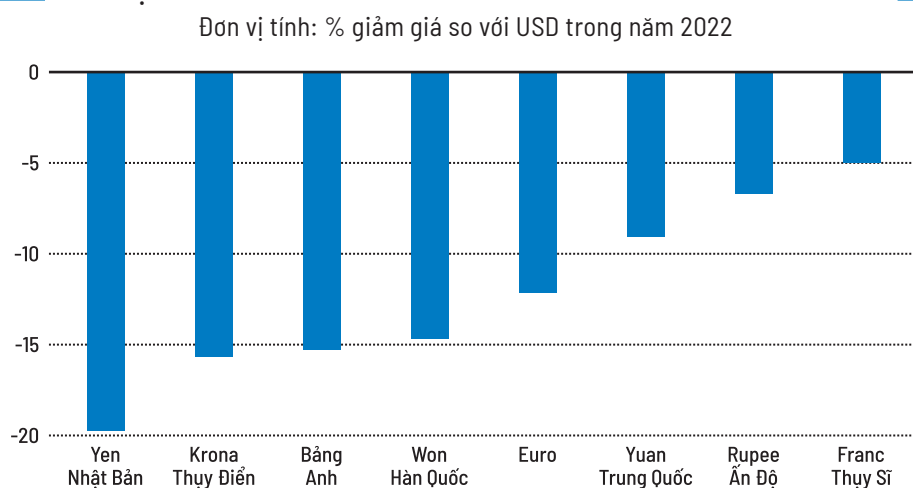
BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 10/2022

Ngân hàng trung ương tại hơn 80 quốc gia trên thế giới, bao gồm Anh, các quốc gia châu Âu, Canada, Indonesia... đều đang có động thái tương tự: nâng lãi suất để kiểm chế lạm phát. Tình trạng thắt chặt tiền tệ trên quy mô rộng toàn cầu lần đầu tiên lại xuất hiện sau 5 thập kỷ, khi lạm phát vượt mục tiêu của nhiều quốc gia và nhiều khả năng tình trạng này không sớm chấm dứt.

KHOẢNG 90 NHTW TRÊN THẾ GIỚI ĐÃ TĂNG CHI PHÍ ĐI VAY TRONG NĂM NAY



Tiền tệ hầu hết các nước đều mất giá so với USD trong năm 2022



Sau hơn 3 năm dịch Covid-19 hoành hành toàn cầu nền kinh tế thế giới đã bị suy giảm trầm trọng vừa mới có triển vọng phục hồi thì giao tranh Nga - Ukraine với nhiều hệ lụy liên quan chính là “giọt nước tràn ly” làm cho nền kinh tế tiếp tục quay đầu suy thoái. Nhiều người dự đoán, kinh tế năm 2022 sẽ là “bức tranh màu xám” khó tìm được điểm sáng.

1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới

▪ Trung Quốc

Trong tháng 9/2022, chỉ số PMI sản xuất của Trung Quốc đã bất ngờ giảm xuống 48,1 từ 49,4 trong tháng trước, tiếp tục do tác động của các biện pháp kiểm soát dịch Covid-19.

Kinh tế Trung Quốc không chỉ chịu ảnh hưởng từ chiến lược zero-Covid mà còn từ thị trường bất động sản, nhu cầu nội địa và nước ngoài suy yếu và thời tiết cực đoan.

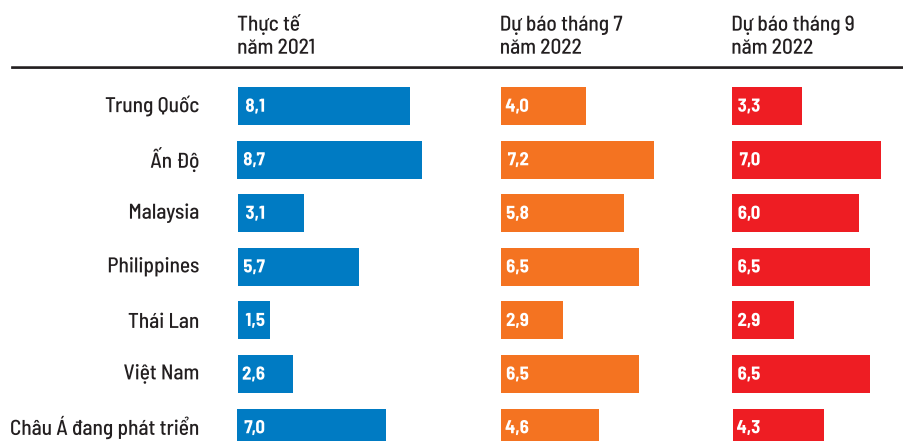
Theo khảo sát của Bloomberg, giới chuyên gia dự báo quốc gia này sẽ tăng trưởng 3,5% trong năm nay, và nếu đúng như dự đoán, 2022 sẽ là năm tăng trưởng yếu thứ hai trong vòng hơn bốn thập kỷ qua.

Ngân hàng Phát triển Châu Á cũng đã cắt giảm dự báo tăng trưởng kinh tế đối với Trung Quốc và cũng hạ triển vọng phát triển Châu Á trong bối cảnh lãi suất tăng, cuộc chiến kéo dài ở Ukraine và chính sách Covid Zero của Bắc Kinh.

Khu vực này được dự đoán sẽ tăng 4,3% trong năm nay, theo Bản cập nhật Triển vọng Phát triển Châu Á của ngân hàng này được công bố mới đây, so với mức dự báo 4,6% vào tháng 7. Tăng trưởng ở Trung Quốc, nền kinh tế lớn nhất ở châu Á, dự kiến sẽ chậm hơn ở mức 3,3% so với mức tăng 4% đã thấy trước đó.

TRUNG QUỐC NĂM 2022 TĂNG TRƯỞNG THẤP HƠN CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN KHÁC Ở CHÂU Á TRONG BA THẬP KỶ

Đơn vị tính: %



Nguồn: Ngân hàng phát triển châu Á

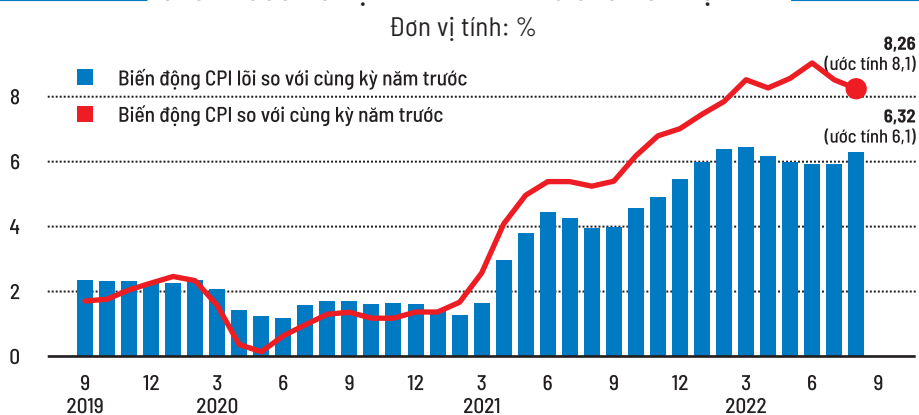
OECD cũng giảm dự báo tăng trưởng của nền kinh tế lớn thứ hai thế giới này trong năm nay và năm 2023 lần lượt xuống còn 3,2% và 4,7%.

▪ Mỹ

Chỉ số PMI sản xuất tháng 9 của Mỹ tiếp tục giảm xuống mức thấp nhất kể từ tháng 7/2020, 51,5 điểm của tháng 8/2022 còn 50,9 điểm vào tháng 9/2022.

Nền kinh tế Mỹ đã thể hiện sức bền bỉ đáng ngạc nhiên khi đối mặt với lạm phát và các đợt tăng lãi suất lớn nhất trong hàng thập kỷ. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cao bất ngờ được công bố bởi Cục Thống kê Lao động Mỹ sáng 13/9 cho thấy lạm phát đã lan rộng, dập tắt mọi hy vọng rằng áp lực giá đang suy giảm.

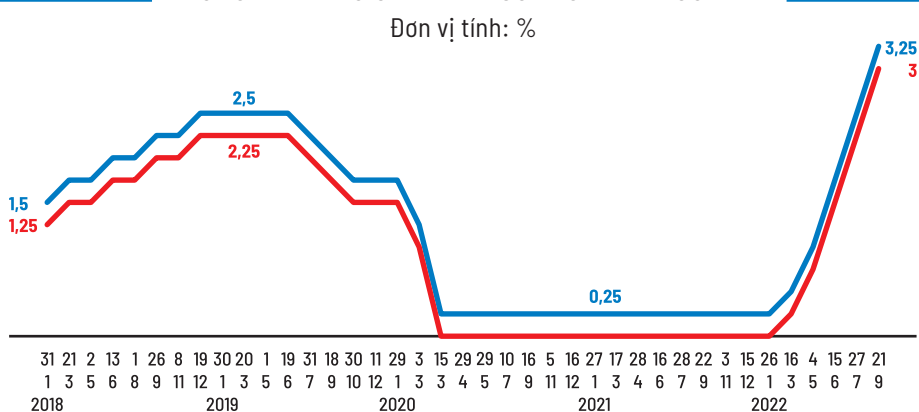
CÁC THƯỚC ĐO LẠM PHÁT MỸ TĂNG CAO HƠN DỰ KIẾN



Nguồn: Cục thống kê lao động Mỹ, Bloomberg

Ngày 21/9 (theo giờ Việt Nam), Ủy ban Thị trường mở, cơ quan hoạch định chính sách của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã kết thúc cuộc họp chính sách kéo dài 2 ngày. Đúng như những dự báo trước đó của thị trường, cơ quan này đã **tăng lãi suất thêm 0,75 điểm phần trăm**. Đây là lần tăng lãi suất thứ 5 trong năm nay và là lần thứ 3 liên tiếp FED tăng lãi suất 0,75 điểm phần trăm. Biên độ 3% - 3,25% cũng là lãi suất cao nhất của FED tính từ tháng 1/2008.

NHỮNG LẦN ĐIỀU CHỈNH LÃI SUẤT GẦN ĐÂY CỦA FED



Nguồn: Fed

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 10/2022

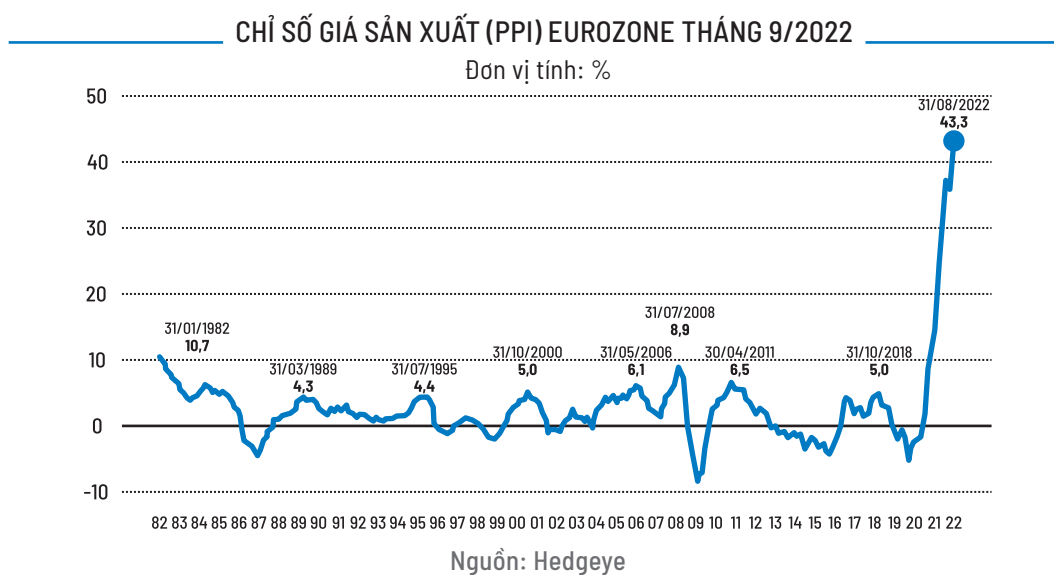
Nợ quốc gia Mỹ đã lần đầu tiên vượt ngưỡng kỷ lục 31.000 tỷ USD, tương đương 143,5% GDP. Việc Fed liên tục tăng lãi suất cơ bản và hút thanh khoản thị trường để chống lạm phát, chi phí trả lãi nợ công chính phủ Mỹ sắp tới sẽ bước vào chu kỳ gia tăng, kết hợp với bất ổn địa chính trị có thể tạo ra mối đe dọa cho nền kinh tế. Các tổ chức quốc tế đều dự báo tăng trưởng GDP của Hoa Kỳ sẽ yếu đi trong năm nay.

Nền kinh tế lớn nhất thế giới Mỹ được OECD dự báo sẽ chỉ tăng trưởng 0,5% vào năm 2023.

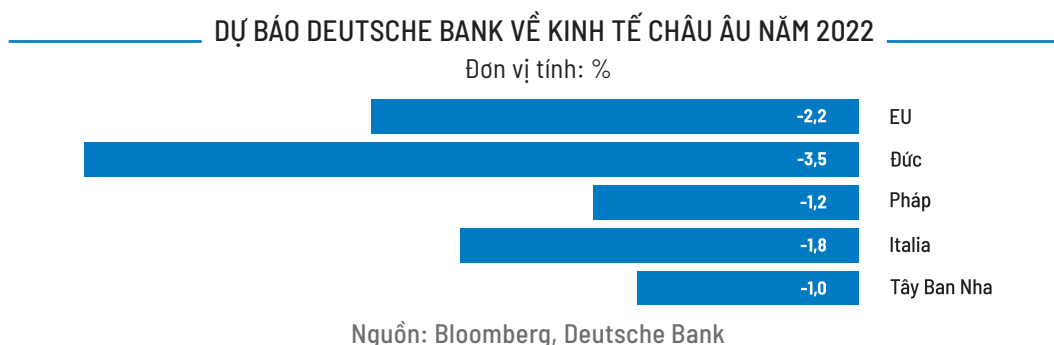
▪ EU

Chỉ số PMI sản xuất khu vực đồng tiền chung châu Âu đã giảm từ mức 49,6 trong tháng 8/2022 xuống mức 48,4 trong tháng 9/2022, thấp nhất trong 27 tháng qua.

Giá năng lượng đã tác động mạnh đến lạm phát, chỉ số giá nhà sản xuất (PPI) eurozone tháng 9 tăng lên mức cao kỷ lục – 43,3%.



Hoạt động sản xuất trên toàn khu vực đồng tiền chung châu Âu trong tháng 9 tiếp tục giảm sâu hơn trong khi khủng hoảng chi phí sinh hoạt khiến người tiêu dùng phải thắt chặt chi tiêu, giá năng lượng tăng cản trở hoạt động sản xuất.

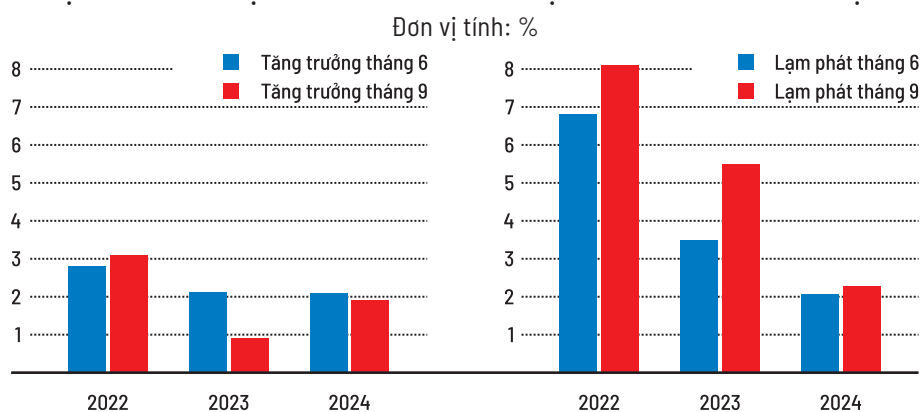


Các nước thuộc EU đang cạn kiệt khí đốt. Các kho dự trữ khí đốt của châu Âu có thể cạn kiệt vào đầu tháng 2/2023. Hiện 160 cơ sở dự trữ khí đốt ở 18 quốc gia thành viên EU với tỷ lệ bơm đầy gần 83% chỉ đủ để cung cấp 21% lượng tiêu thụ hàng năm ở các nước thành viên khối này.

Chính phủ các nước châu Âu đã chi khoảng 500 tỷ euro (496 tỷ USD) để giảm bớt tác động của giá cả leo thang với người tiêu dùng và doanh nghiệp, nhưng họ có thể phải hỗ trợ nhiều hơn nữa. Anh - vốn vẫn chịu áp lực từ Brexit và chịu ảnh hưởng về thương mại khi mâu thuẫn Nga - Ukraine xảy ra, cũng phải chi mạnh tay để giúp đỡ người dân

Bên cạnh đó, ngày 14/9, Ủy ban châu Âu (EC) đã đề xuất một loạt các biện pháp khẩn cấp để giải quyết vấn đề năng lượng. Theo đó, các thành viên EU được khuyến khích cắt giảm 10% tổng mức sử dụng điện và bắt buộc cắt giảm 5% lượng điện sử dụng trong giờ cao điểm. Kế hoạch cũng đề xuất áp thuế lên các công ty năng lượng hóa thạch để có thêm nguồn lực hỗ trợ cho doanh nghiệp, gia đình dễ bị tổn thương.

ECB HẠ THẤP TRIỂN VỌNG TĂNG TRƯỞNG VÀ NHẬN THẤY THÊM NGUY CƠ LẠM PHÁT



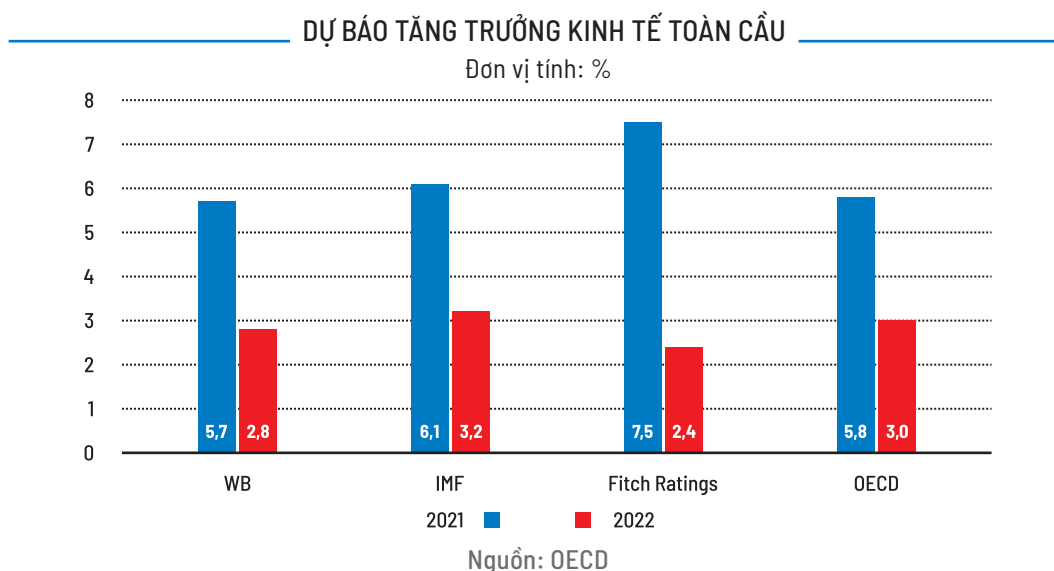
Nguồn: ECB

Tăng trưởng Khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) năm 2023 được OECD dự báo sẽ chịu tác động nặng nề nhất từ cuộc khủng hoảng Nga – Ukraine với mức tăng ít ỏi chỉ 0,3%, sau khi tăng trưởng mạnh mẽ ở mức 3,1% trong năm 2022.

2. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG

Trong báo cáo mới công bố ngày 15/9, Ngân hàng Thế giới cũng ước tính GDP toàn cầu năm tới chỉ tăng 0,5%. Nhưng GDP bình quân đầu người lại giảm 0,4%. Trên lý thuyết, theo quan điểm của tổ chức này, đây là suy thoái toàn cầu.

Ngày 26/9, Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) cảnh báo, tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2023 sẽ chịu ảnh hưởng nặng nề hơn so với dự báo trước đó do tác động của cuộc xung đột Nga – Ukraine. Theo đó, OECD dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 sẽ tăng trưởng 2,2%, giảm so với mức 2,8% được đưa ra trong dự báo hồi tháng 6. Trong khi đó, tổ chức này vẫn giữ nguyên dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2022 ở mức 3%.



Một số nhân tố rủi ro tác động tới triển vọng kinh tế thế giới (theo IMF):

- Thứ nhất, cuộc xung đột ở U-crai-na làm tăng giá năng lượng.
- Thứ hai, lạm phát vẫn ở mức cao. Một số yếu tố có thể khiến lạm phát duy trì đà tăng trong dài hạn. Giá lương thực và năng lượng tăng gây ra khó khăn, đói kém và bất ổn trên diện rộng, không chỉ đe dọa đến tăng trưởng kinh tế, mà còn ảnh hưởng tới ổn định xã hội ở nhiều quốc gia.
- Thứ ba, điều kiện tài chính thắt chặt hơn gây ra tình trạng khó khăn về nợ ở các thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển.
- Thứ tư, suy giảm tăng trưởng của Trung Quốc vẫn tiếp diễn sẽ ảnh hưởng đến các nền kinh tế khác.
- Thứ năm, nền kinh tế thế giới phân chia thành nhiều nhóm khác nhau. Trong trung hạn, xung đột ở U-crai-na sẽ phân chia nền kinh tế thế giới thành các khối địa chính trị với các tiêu chuẩn công nghệ khác biệt, hệ thống thanh toán xuyên biên giới và tiền tệ dự trữ.



PHẦN II

KINH TẾ VIỆT NAM



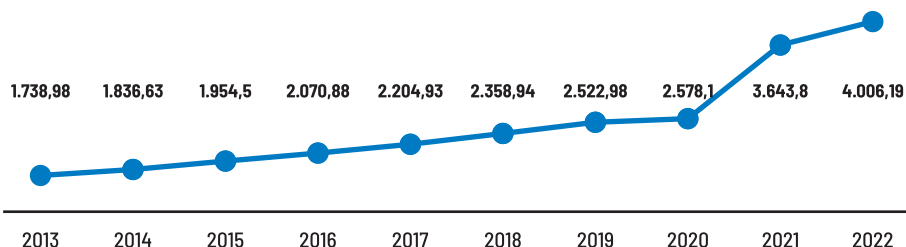
1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM THÁNG 9/2022

Kinh tế vĩ mô tiếp tục duy trì ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo; chính sách tiền tệ, tài khóa được điều hành chủ động, linh hoạt và hiệu quả. Môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện tích cực, góp phần phục hồi và phát triển kinh tế – xã hội.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý III/2022 ước tính tăng khá cao ở mức 13,67% so với cùng kỳ năm trước. GDP 9 tháng năm 2022 tăng 8,83% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao nhất của 9 tháng trong giai đoạn 2011-2022, các hoạt động sản xuất kinh doanh dần lấy lại đà tăng trưởng, chính sách phục hồi và phát triển kinh tế – xã hội của Chính phủ đã phát huy hiệu quả.

TỔNG SẢN PHẨM QUỐC NỘI 9 THÁNG CÁC NĂM

Đơn vị tính: Nghìn tỷ đồng (giá so sánh năm 2010)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

GDP 9 THÁNG SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC

Đơn vị tính: %



Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

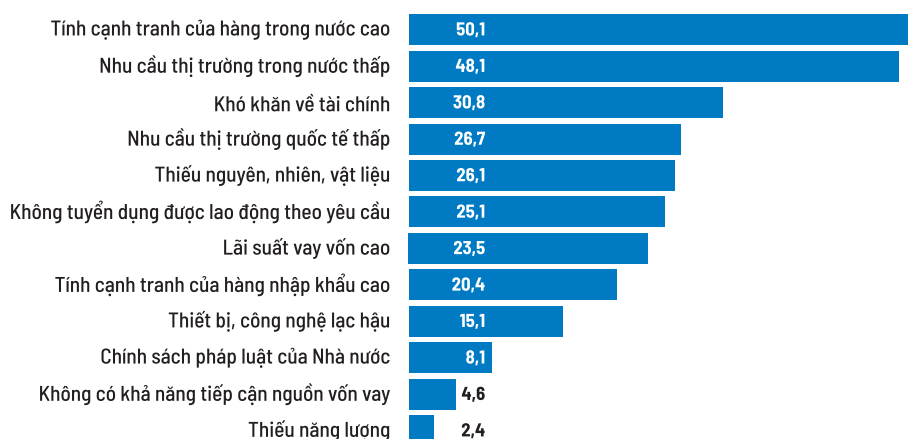
1.1.1. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp quý III/2022 tăng trưởng khá do hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được duy trì và đang dần phục hồi, tốc độ tăng giá trị tăng thêm ước đạt 12,12% so với cùng kỳ năm trước.

Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp 9 tháng năm 2022 ước tính tăng 9,63% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,69%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 7,71%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,03%; ngành khai khoáng tăng 4,42%.

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT - KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP TRONG QUÝ 3

Đơn vị tính: %



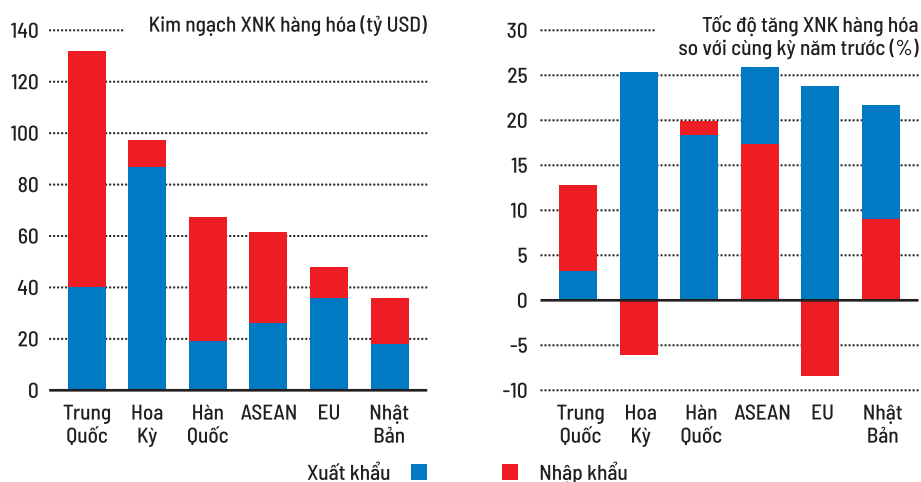
Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.1.2. Xuất nhập khẩu

Trong tháng 9/2022, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 58,74 tỷ USD, giảm 11% so với tháng trước và tăng 8,4% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2022, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 558,52 tỷ USD, tăng 15,1% so với cùng kỳ năm trước.

Như vậy, với kết quả trên, tháng 9/2022 ước tính xuất siêu 1,14 tỷ USD. Tính chung 9 tháng năm 2022, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 6,52 tỷ USD (cùng kỳ năm trước nhập siêu 3,44 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 22,89 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 29,41 tỷ USD.

THỊ TRƯỜNG XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ CHỦ YẾU 9 THÁNG NĂM 2022

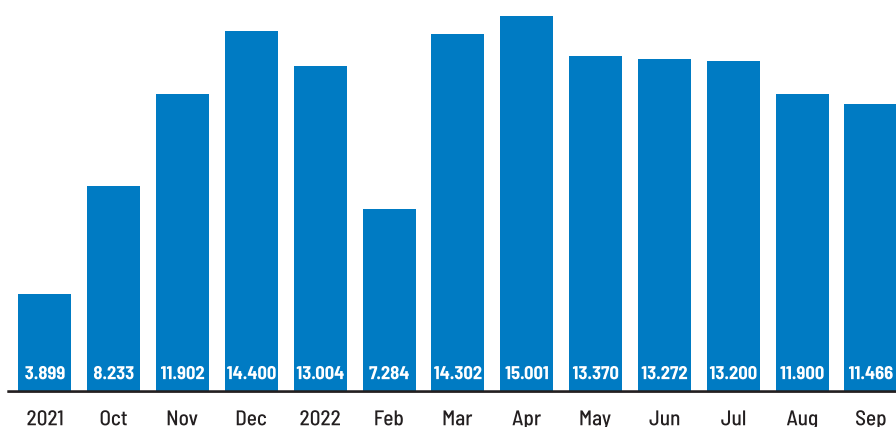


Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Trong tháng 9/2022, cả nước có 11.466 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 136 nghìn tỷ đồng và số lao động đăng ký là 61,9 nghìn lao động, giảm 3,8% về số doanh nghiệp, tăng 4,5% về vốn đăng ký và giảm 17,7% về số lao động so với tháng 08/2022.

SỐ LƯỢNG DOANH NGHIỆP THÀNH LẬP MỚI CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN T9/2011- T9/2022



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tính chung 9 tháng năm 2022, cả nước có 112.800 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 1,27 triệu tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký là 758.100 lao động, tăng 31,9% về số doanh nghiệp, tăng 6,4% về vốn đăng ký và tăng 16,8% về số lao động so với cùng kỳ năm trước.

1.1.4. Hoạt động đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội 9 tháng năm 2022 theo giá hiện hành ước đạt 2.130,3 nghìn tỷ đồng, tăng 12,5% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng này phản ánh đà phục hồi mạnh mẽ của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thực hiện tại Việt Nam 9 tháng năm 2022 ước tính đạt 15,43 tỷ USD, tăng 16,3% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của 9 tháng trong 5 năm qua.

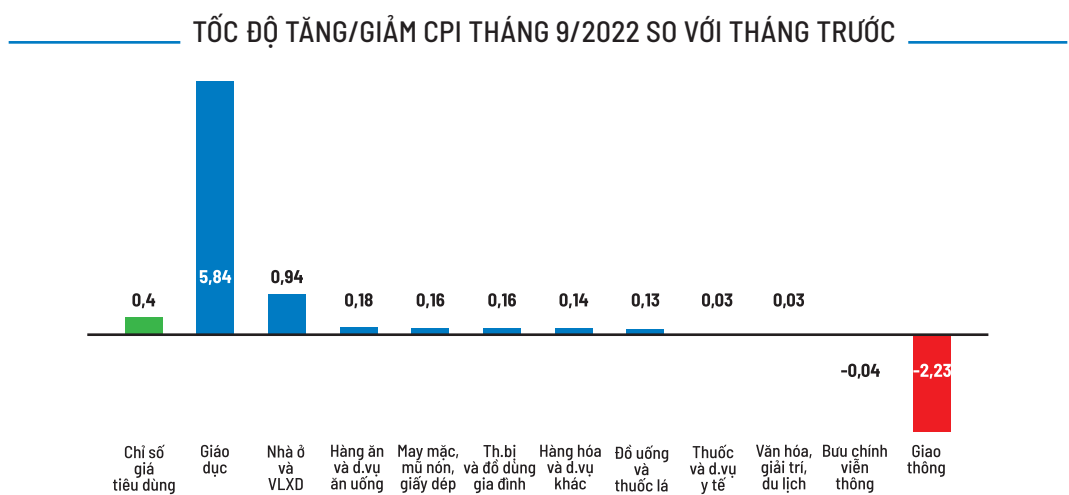
Trong 9 tháng, các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 18 ngành trong tổng số 21 ngành kinh tế quốc dân. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt trên 12,1 tỷ USD, chiếm 64,6% tổng vốn đầu tư đăng ký.

1.1.5. Thu chi ngân sách

Thu ngân sách Nhà nước 9 tháng năm 2022 ước tăng 22% so với cùng kỳ năm trước. Chi ngân sách Nhà nước ước tăng 5,4% so với cùng kỳ năm 2021, đảm bảo các nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý Nhà nước, thanh toán các khoản nợ đến hạn cũng như chi trả kịp thời cho các đối tượng theo quy định.

1.1.6. Chỉ số giá tiêu dùng

So với tháng trước, CPI tháng 9/2022 tăng 0,4% (khu vực thành thị tăng 0,55%; khu vực nông thôn tăng 0,23%). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 9 nhóm hàng tăng giá so với tháng trước; 2 nhóm giảm giá, trong đó nhóm giao thông giảm 2,23% do giá xăng liên tục giảm ở các kỳ điều chỉnh trong tháng và nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,04%.



Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ

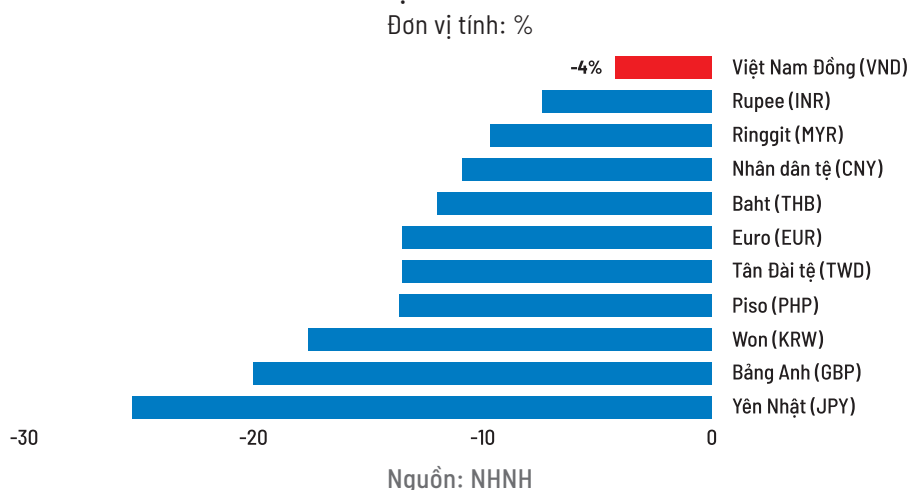
1.2.1. Tăng trưởng tín dụng

Tính đến ngày 16/9, tín dụng toàn nền kinh tế tăng 10,47% so với cuối năm 2021 và tăng 17,19% so với cùng kỳ năm 2021. Trái lại tăng trưởng huy động mới chỉ đạt 4,17% so với cuối năm 2021, tăng 2,95% so với cùng kỳ năm 2021, chưa đạt một nửa so với tín dụng, điều này tạo áp lực lớn lên mặt bằng lãi suất huy động.

1.2.2. Tỷ giá

Diễn biến lạm phát thế giới và điều hành của Fed gây áp lực lớn lên tâm lý nhà đầu tư, dòng vốn rút ra tạo áp lực mất giá lớn đối với đồng tiền của các quốc gia mới nổi trong đó có Việt Nam.

CÁC ĐỒNG TIỀN MẤT GIÁ MẠNH SO VỚI USD SO VỚI CUỐI NĂM 2021



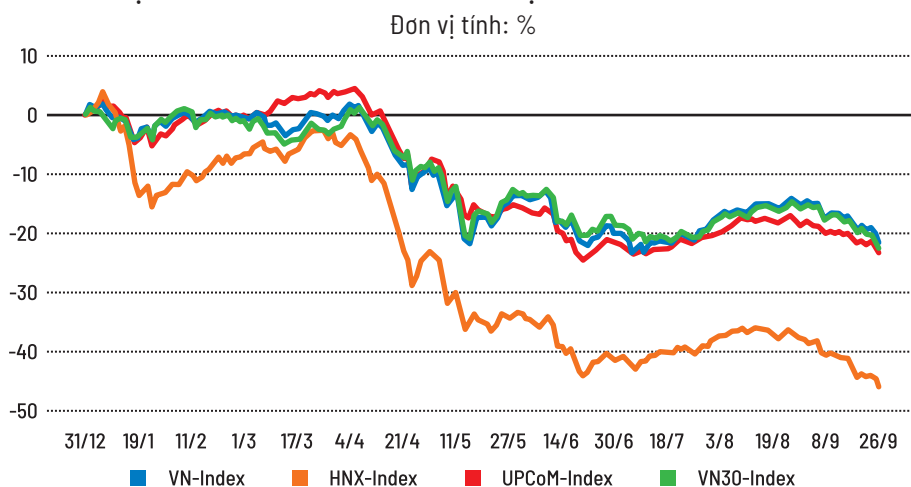
Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 9/2022 tăng 0,53% so với tháng trước; tăng 2,87% so với tháng 12/2021 và tăng 3,45% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 9 tháng năm 2022 tăng 0,7%.

1.2.3. Chứng Khoán

Thị trường chứng khoán trong nước từ đầu tháng 9 đến nay có diễn biến khá trùng khớp với chứng khoán quốc tế theo chiều hướng giảm. Thị trường chịu nhiều biến động khi đi vào vùng trung thông tin kết hợp với động thái tăng lãi suất cứng rắn của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED). Mặc dù, thông tin chính thức về việc tăng lãi suất đồng USD lên 0,75% đã được FED chính thức công bố vào ngày 22/9 nhưng trước đó là yếu tố chính khiến tâm lý nhà đầu tư và dòng tiền chuyển sang trạng thái thận trọng rất rõ rệt.

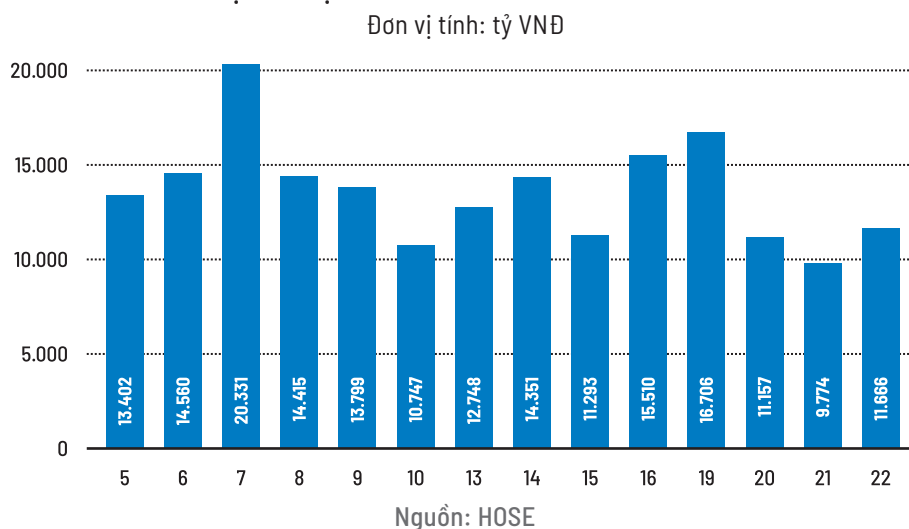
BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 10/2022

BIẾN ĐỘNG CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM TỪ ĐẦU 2022 ĐẾN 26/9



Tâm lý thận trọng khiến nhà đầu tư đẩy mạnh động thái chốt lời, từ đó làm chỉ số VN-Index giảm khá mạnh từ đầu tháng tới nay. Tính từ đầu tháng 9, chỉ số VN-Index giảm -62,65 điểm, dừng lại ở mức 1.214,7 điểm (ngày 22/9), thậm chí đã có 2 lần chỉ số “test” ngưỡng 1.200 điểm.

GIÁ TRỊ GIAO DỊCH SÀN HOSE TỪ ĐẦU THÁNG 9 TỚI NAY



Chuyên gia dự báo thị trường chứng khoán kém khả quan trong ngắn hạn, nhưng vẫn có những cổ phiếu có thể tăng trưởng lợi nhuận trong năm sau. Trong khung hoảng sẽ có những cơ hội tuyệt vời để nhà đầu tư tích lũy cổ phiếu dài hạn từ 3-5 năm.

1.2.4. Lạm phát

Bình quân 9 tháng năm 2022, lạm phát cơ bản tăng 1,88% so với cùng kỳ năm 2021, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 2,73%). Điều này cho thấy, biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực và giá xăng, dầu.

2. DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM

Dù có những khác nhau về con số được dự báo, song có một nhận định chung được cả các cơ quan hoạch định chính sách, cũng như các chuyên gia kinh tế và tổ chức quốc tế đưa ra, đó là sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế Việt Nam sau Covid-19.

2.1. Về chủ trương, chính sách

(i). Thủ tướng Chính phủ ban hành chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 16/9/2022 về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng và bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế trong tình hình mới.

(ii). Chính phủ đã ban hành Nghị định 65/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán ra thị trường quốc tế. Các chuyên gia đánh giá, Nghị định 65 sẽ giúp bảo vệ tốt hơn cho các nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư nhỏ lẻ. Có thể bước đầu thị trường trái phiếu sẽ có những bước điều chỉnh để bắt kịp những quy định mới, tuy nhiên về lâu dài sẽ giúp thị trường phát triển minh bạch và bền vững hơn. Những thay đổi bổ sung ở Nghị định 65 vừa ban hành là căn bản nhất và cũng lớn nhất từ trước đến nay, tập trung vào bốn nhóm:

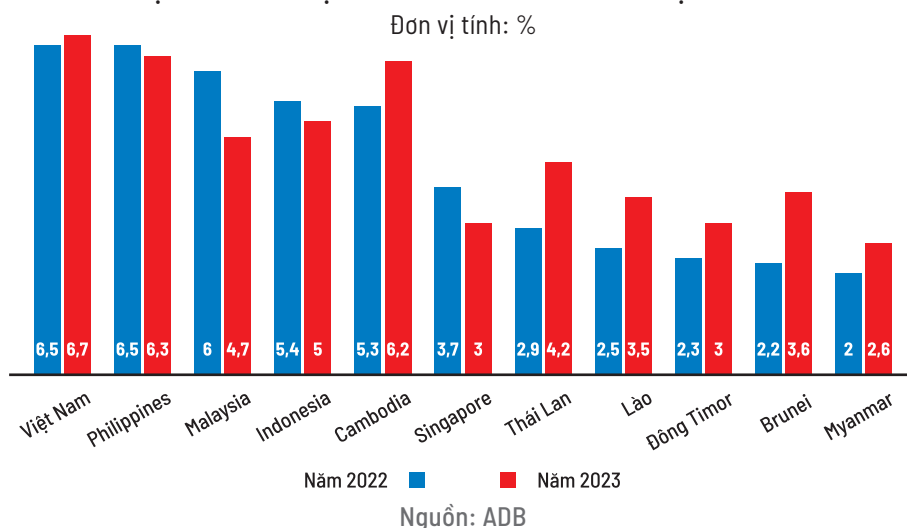
- Thứ nhất là hướng dẫn một cách rõ ràng hơn về việc xác định nhà đầu tư cá nhân chuyên nghiệp dựa theo giá trị giao dịch chứng khoán của họ trong thời gian trước đây.
- Thứ hai là đưa ra những quy định chặt chẽ hơn về hồ sơ phát hành cũng như điều kiện phát hành của các doanh nghiệp.
- Thứ ba là yêu cầu tất cả những trái phiếu phát hành riêng lẻ sẽ phải được lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán (VSD) và đưa ra một lộ trình cụ thể cho việc giao dịch trên thị trường thứ cấp các trái phiếu này ở trên sở giao dịch.
- Cuối cùng là quy định một cách rõ ràng hơn về các trách nhiệm của tất cả các đối tượng tham gia thị trường.

2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Mới đây, IMF đã nâng dự báo tăng trưởng của Việt Nam lên 7% trong năm 2022, cao hơn 1% so với mức dự báo của ba tháng trước đó và là lần điều chỉnh tăng mạnh duy nhất trong số các nền kinh tế lớn ở châu Á. IMF đã hạ dự báo tăng trưởng của Việt Nam năm 2023 còn 6,7%, tức giảm 0,5% so với dự báo trước đó.

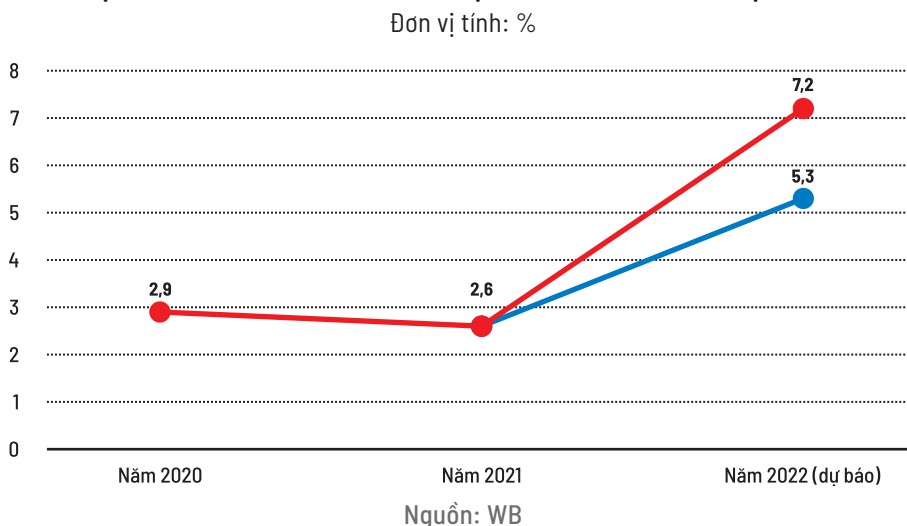
Ngày 21/9, trong buổi họp báo công bố bản cập nhật Báo cáo triển vọng phát triển châu Á năm 2022, Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) đã nhận định kinh tế Việt Nam tăng trưởng tốt trong bối cảnh nền kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn và giữ nguyên triển vọng kinh tế Việt Nam tăng trưởng mạnh mẽ với tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng 6,5% trong năm 2022 và 6,7% năm 2023.

ADB DỰ BÁO TRIỂN VỌNG TĂNG TRƯỞNG CỦA KHU VỰC ĐÔNG NAM Á



Tuy nhiên, triển vọng kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục đối mặt với những rủi ro ngày càng tăng. Suy thoái kinh tế toàn cầu có thể ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu của Việt Nam. Sự thiếu hụt lao động dự kiến sẽ tác động đến sự phục hồi nhanh chóng của các ngành dịch vụ và sản xuất hàng xuất khẩu sử dụng nhiều lao động trong năm 2022. Báo cáo nhận định, việc chậm giải ngân đầu tư công và các khoản chi xã hội so với kế hoạch, đặc biệt là chậm thực hiện chương trình phục hồi và phát triển kinh tế của chính phủ có thể làm giảm tốc độ tăng trưởng trong năm nay và năm sau.

WB DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM DẪN ĐẦU KHU VỰC NĂM 2022



Việt Nam cũng là một trong số hai nước được Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo tăng trưởng khả quan nhất trong năm 2022. Ngày 26/9, WB đã nâng mức dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam lên 7,2% trong năm 2022 và 6,7% vào năm 2023.



THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO

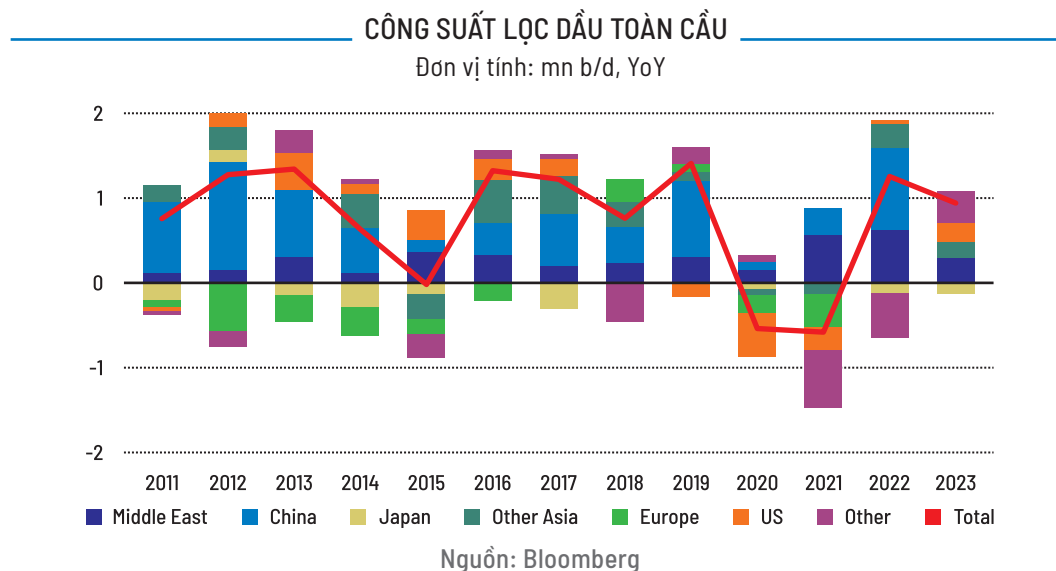
1. THỊ TRƯỜNG DẦU THÔ

1.1. Thông tin trong kỳ

1.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ Nguồn cung

Trên toàn thế giới, các nhà máy lọc dầu đã giảm công suất chưng cất dầu thô khoảng 2 triệu thùng mỗi ngày so với giai đoạn 2020-2021 do đóng cửa nhà máy và giảm đầu tư.



▪ Tiêu thụ

Trong báo cáo hàng tháng công bố ngày 13/9, Tổ chức Các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) đã giữ nguyên mức dự báo tăng trưởng cầu dầu mỏ toàn cầu trong năm 2022 và 2023. Theo đó, cầu dầu mỏ của thế giới sẽ tăng 3,1 triệu thùng/ngày trong năm 2022 và 2,7 triệu thùng/ngày năm 2023. Theo OPEC, cầu dầu mỏ trong năm 2023 dự kiến sẽ được hỗ trợ bởi tình hình kinh tế vẫn vững chắc ở các nước tiêu thụ chủ chốt, và một số yếu tố quan trọng khác như khả năng nới lỏng các hạn chế phòng chống dịch COVID-19 và tình trạng bất ổn địa chính trị dịu bớt hơn.

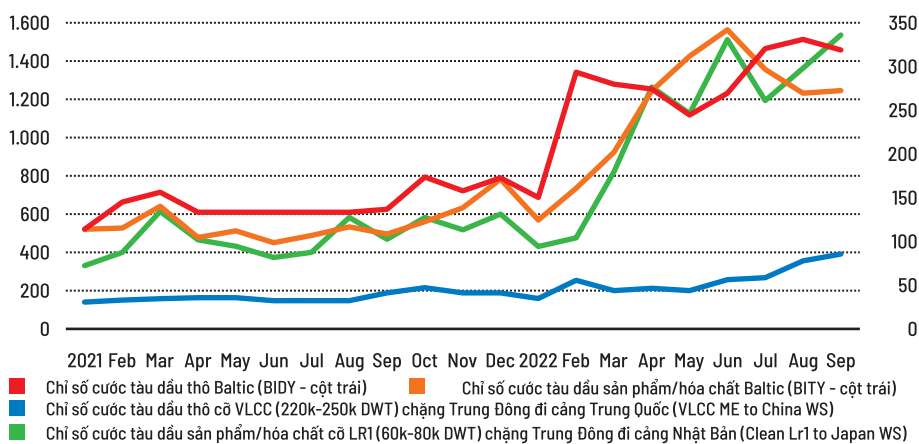
BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 10/2022

▪ *Biến động giá*

Giá dầu thô đã giảm sau khi đạt đỉnh khoảng 122 USD/thùng trong tháng 6/2022. Kể từ đó cho tới nay, giá dầu theo xu hướng giảm khá ổn định, hiện giao dịch dưới 86 USD/thùng.

Do các quy định ngày càng chặt chẽ về môi trường, tăng trưởng đội tàu chở dầu thô được BIMCO dự báo tăng 5,4% và 1,7% trong 2022-2023, trong khi đội tàu chở dầu sản phẩm là 1,0% và 0,9% trong 2022-2023.

GIÁ CƯỚC TÀU CHỞ DẦU THÔ VÀ DẦU SẢN PHẨM

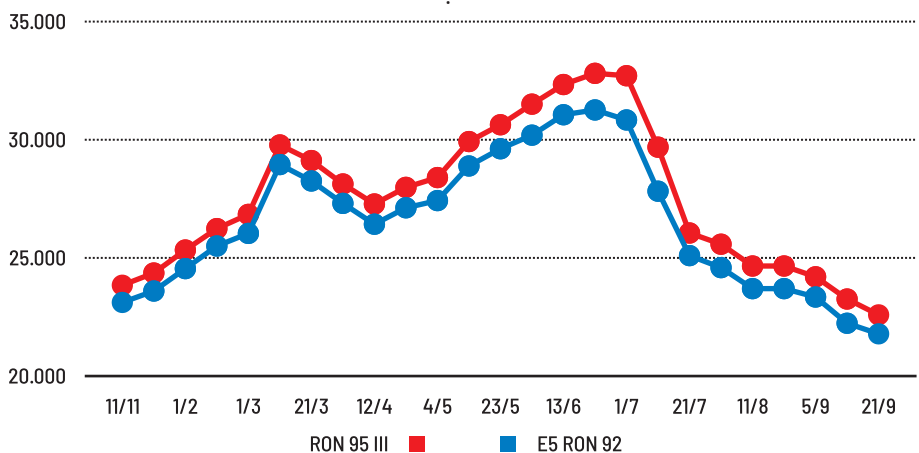


Nguồn: EIA, Bloomberg, Clarksons

1.1.2. Thị trường trong nước

BIẾN ĐỘNG GIÁ XĂNG TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN NAY

Đơn vị: VNĐ/lít



Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.2. Dự báo

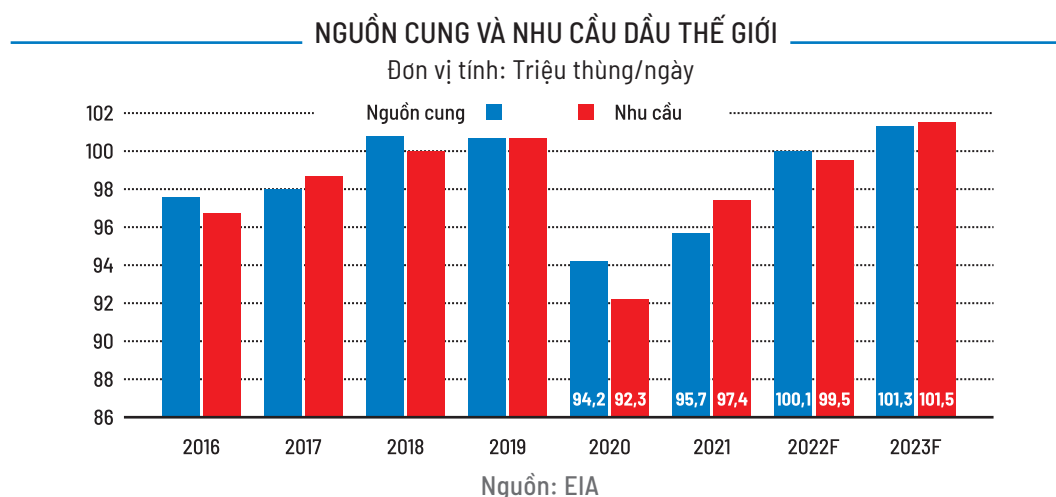
1.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ Nguồn cung

Mỹ dự kiến kết thúc việc xả kho dự trữ dầu chiến lược vào tháng 10 tới. Và với lượng tồn kho dầu chiến lược giảm mạnh những tháng gần đây, thị trường có thể xuất hiện một khoảng trống lớn ảnh hưởng đến sản lượng của OPEC+.

▪ Tiêu thụ

Tổ chức năng lượng quốc tế IEA và EIA đều đưa ra dự báo nhu cầu dầu trong năm 2022 tăng thêm từ 2-2,1 triệu thùng/ngày lên 99,5-99,7 triệu thùng/ngày, năm 2023 lên mức 101,7 triệu thùng/ngày.



▪ Biến động giá

Trong báo cáo công bố ngày 6/9, ngân hàng Bank of America (BofA) nhận định giá dầu sẽ đối mặt áp lực đáng kể trong những tháng tới vì rủi ro cung - cầu có thể đẩy giá tăng hoặc giảm khoảng 20%.

JPMorgan dự báo giá dầu Brent có thể chạm mức 101 USD/thùng trong quý IV/2022 và ở mức 98 USD/thùng năm 2023.

1.2.2. Thị trường trong nước

Những tháng cuối năm 2022 và năm 2023 với dự báo sẽ diễn biến xấu hơn do những hệ quả của bất ổn, suy thoái và thu hẹp sản xuất, kéo theo thị trường tiêu thụ giảm sút, tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của PVN với lĩnh vực sản xuất và cung ứng các sản phẩm thiết yếu cho thị trường.

1.3. Khuyến nghị

Nắm bắt xu hướng, dự báo thị trường, quản trị biến động; Đánh giá tác động của các chính sách tiền tệ, tài khóa, cũng như diễn biến về lạm phát và tỷ giá vào hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp để xây dựng kịch bản, điều chỉnh phương án đầu tư và kinh doanh sắp tới.

Liên tục theo dõi những biến động tỷ giá, tác động của dịch bệnh Covid-19 hay căng thẳng Nga - Ukraine. Từ đó, có thể chủ động lựa chọn thị trường xuất, nhập khẩu và đa dạng hóa sự lựa chọn đồng tiền thanh toán có lợi.

Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản và tìm kiếm, thăm dò nhằm gia tăng trữ lượng và sản lượng khai thác dầu khí tại các khu vực tiềm năng, nước sâu, xa bờ gắn với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển; nâng cao hệ số thu hồi, tận thu các mỏ nhỏ, khối sót cận biên.

Thực hiện tốt công tác quản lý các mỏ dầu khí, tối ưu và duy trì khai thác có hiệu quả các mỏ dầu khí đã đưa vào khai thác; đồng thời tiếp tục triển khai công tác phát triển và sớm đưa vào khai thác dự án Lô B&48/95 và 52/97, mỏ khí Cá Voi Xanh, Báo Vàng, Báo Trắng và các mỏ thuộc dự án khí Tây Nam.

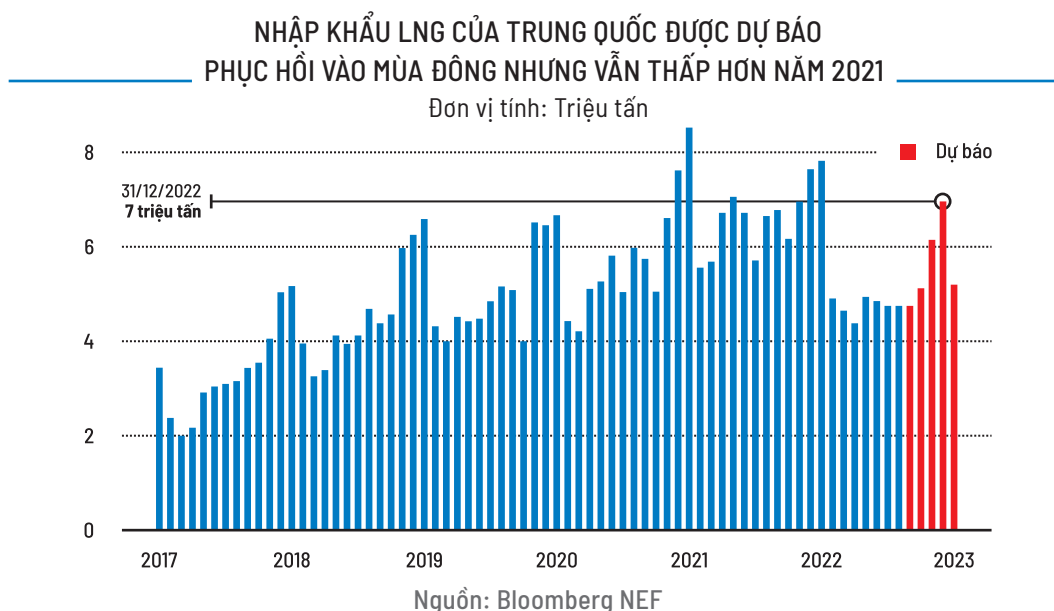
Nghiên cứu thực hiện việc đầu tư cải tiến/nâng cấp sản phẩm, phát triển sản phẩm mới.

2. THỊ TRƯỜNG KHÍ

2.1. Thông tin trong kỳ

2.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Chính sách Zero Covid cộng với giá giao ngay tăng cao đã khiến lượng nhập khẩu LNG của Trung Quốc giảm trong năm nay, để lại nguồn cung dồi dào cho châu Âu. Theo dự báo của BloombergNEF, từ nay tới tháng 12, Trung Quốc – nước nhập khẩu LNG lớn nhất thế giới năm ngoái – sẽ tăng nhập khẩu LNG, dù lượng mua vẫn thấp hơn so với năm 2021. Tuy nhiên, nếu nhu cầu LNG ở châu Á bất ngờ tăng lên, thế giới sẽ rơi vào tình trạng thiếu nguồn cung.



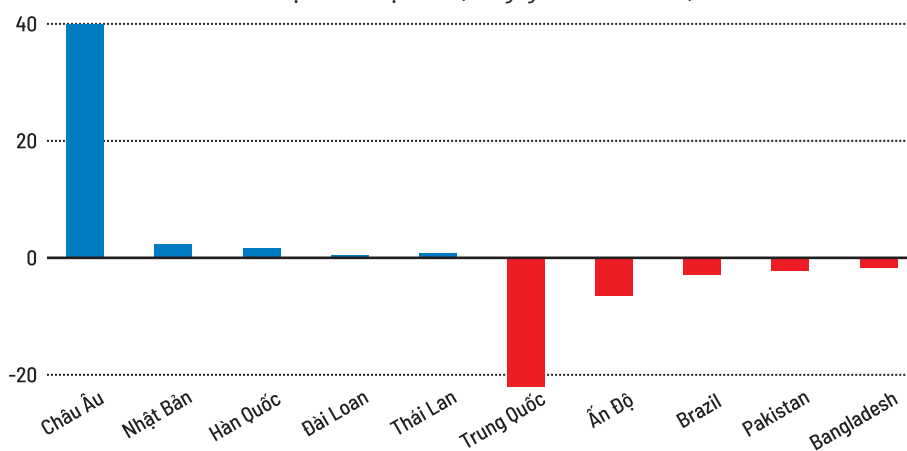
2.2. Dự báo

2.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Nhu cầu LNG ở châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và Thái Lan dự kiến sẽ tăng thêm tổng cộng 46,6 triệu tấn trong năm nay. Trong đó, châu Âu (tính luôn cả Vương quốc Anh), chiếm tới 85% trong tổng mức tăng nhu cầu.

DỰ BÁO NHU CẦU LNG CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

Đơn vị tính: Triệu tấn (tăng/giảm năm 2022)



Nguồn: Financial Times

2.2.2. Thị trường trong nước

Dự án LNG đang xây dựng và có thể sẽ là dự án đầu tiên đi vào vận hành là kho cảng LNG Thị Vải của PV GAS. Giai đoạn một của dự án là cảng, xưởng khí hóa và kho công suất 1 triệu tấn LNG/năm, cung cấp cho Nhà máy điện khí Nhơn Trạch 3 và 4. PV GAS sẽ tiến tới cung cấp khí đốt từ LNG cho các khách hàng điện và công nghiệp tiềm năng khu vực phía Nam.

2.3. Khuyến nghị

Hoàn chỉnh, đồng bộ tất cả các khâu: khai thác - thu gom - vận chuyển - chế biến - dự trữ - phân phối khí và xuất nhập khẩu sản phẩm khí.

Phát triển thị trường khí, chính sách giá khí, đẩy mạnh triển khai các dự án phát triển mỏ, khai thác, thu gom khí.

Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thu gom, cung cấp, nhập khẩu khí, đặc biệt là hệ thống kho cảng LNG; đồng thời đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án công nghiệp khí.

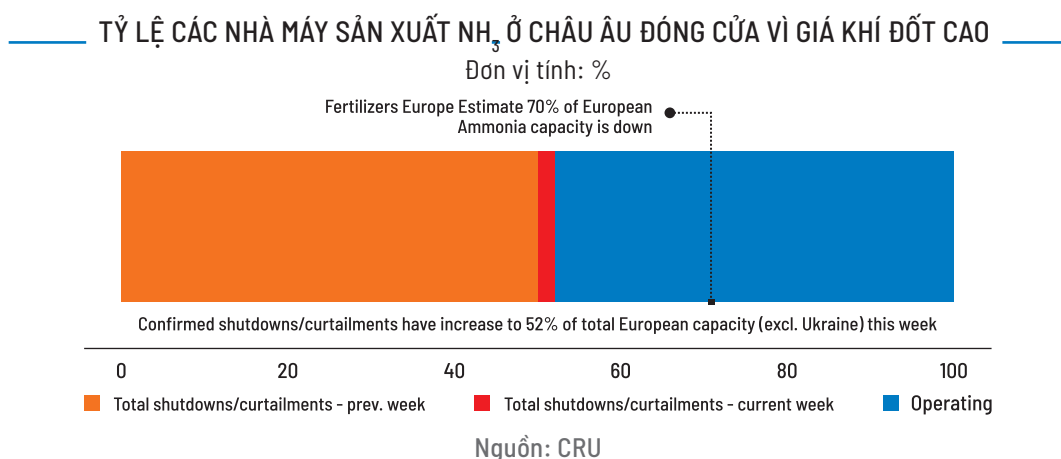
3. THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN

3.1. Thông tin trong kỳ

3.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Lượng phân bón tồn kho trên thế giới, đặc biệt ở châu Mỹ, đang tăng mạnh khi nông dân hạn chế mua vì giá quá cao là yếu tố cho thấy giá phân bón nhiều khả năng sẽ hạ nhiệt. Nhiều quốc gia trên thế giới đã áp dụng chính sách cấm hoặc hạn chế xuất khẩu phân bón nhằm đảm bảo nguồn cung trong nước. Tuy nhiên, các chính sách sẽ hết hiệu lực từ năm 2023, khi đó, nguồn cung phân bón trên thế giới sẽ được gia tăng đáng kể.

Theo ước tính của S&P Global Platts, do cơn bão giá nguyên liệu mà chủ yếu là khí thiên nhiên tăng vọt, châu Âu đã cắt giảm khoảng 25% - 30% công suất phân đạm và ít nhất khoảng 50% công suất ammonia (NH₃) ở châu Âu đã bị cắt giảm.



3.1.2. Thị trường trong nước

Các doanh nghiệp sản xuất phân bón trong nước đang phải đối mặt với tình trạng nguyên liệu đầu vào tăng quá cao. So với thời điểm này năm ngoái, giá một số loại nguyên liệu đã tăng gấp đôi, thậm chí gấp ba.

Việc áp thuế xuất khẩu để tăng nguồn cung cho thị trường trong nước với những loại phân bón đã dư cung chưa phải là giải pháp hiệu quả để hạ nhiệt giá phân bón, thậm chí còn khiến doanh nghiệp sản xuất phân bón Việt Nam giảm sức cạnh tranh trước doanh nghiệp nước ngoài, bởi phân bón cùng chủng loại nhập khẩu về Việt Nam không bị đánh thuế nhập khẩu nhưng phân bón xuất khẩu từ Việt Nam sẽ bị áp 5%.

3.2. Dự báo

3.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Trong quý IV/2022, nguồn cung Ure thế giới sẽ suy giảm nhờ giá khí tự nhiên ở châu Âu neo ở mức cao cùng với chi phí sản xuất tăng cao khiến các nhà sản xuất phân bón khu vực này cắt giảm sản lượng.

Trung Quốc đã nới lỏng xuất khẩu phân bón từ tháng 6 nhưng lượng xuất khẩu vẫn thấp hơn cùng kỳ 2021 và 2020.

3.2.2. Thị trường trong nước

Với giá phân bón tăng cao, trong khi giá nông sản không tăng tương ứng nên nông dân bỏ ruộng, hoặc giảm bón phân nên nhu cầu giảm 30 - 40% so với bình thường.

Chính phủ Trung Quốc sẽ tiếp tục áp dụng các biện pháp kiểm soát và hạn chế lượng xuất khẩu phân bón khi quốc gia này bước vào vụ gieo trồng lớn nhất trong năm từ tháng 10 - tháng 12 giúp hạn chế lượng cung phân bón và hỗ trợ giá Ure trong nước.

Để giảm giá thành sản xuất, các doanh nghiệp sản xuất phân bón trong nước đều phải tối đa hóa công suất. Vì vậy, việc áp thuế xuất khẩu để giữ lại lượng phân bón trong bối cảnh thị trường trong nước dư cung sẽ gây thêm khó khăn cho doanh nghiệp.

3.3. Khuyến nghị

Bức tranh toàn diện về kinh doanh với cạnh tranh không chỉ giới hạn ở các đối thủ cạnh tranh trực tiếp, mà còn chịu tác động của đối thủ tiềm năng, hàng hóa dịch vụ thay thế, hay từ chính các nhà cung cấp, khách hàng trong chuỗi giá trị. Do đó, cần chú trọng tập trung vào tính đặc thù riêng biệt về giá trị mà hàng hóa của doanh nghiệp mang lại, hơn là cạnh tranh truyền thống về giá, thị phần. Cách làm này giúp cho doanh nghiệp có thể đáp ứng tốt nhất nhu cầu đặc thù, đa dạng của nhóm khách hàng, từ đó đưa ra mức giá tốt, tăng lợi nhuận, cạnh tranh bằng đổi mới, sáng tạo, khuyến khích phát triển cả chiều rộng và chiều sâu của thị trường.

Bám sát tình hình thị trường để có giải pháp điều hành sản xuất, kinh doanh phù hợp. Trong đó chú trọng quản trị chi phí để tiết giảm chi phí, chú trọng quản trị sản xuất để tối ưu quá trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao nguyên vật liệu, năng lượng.

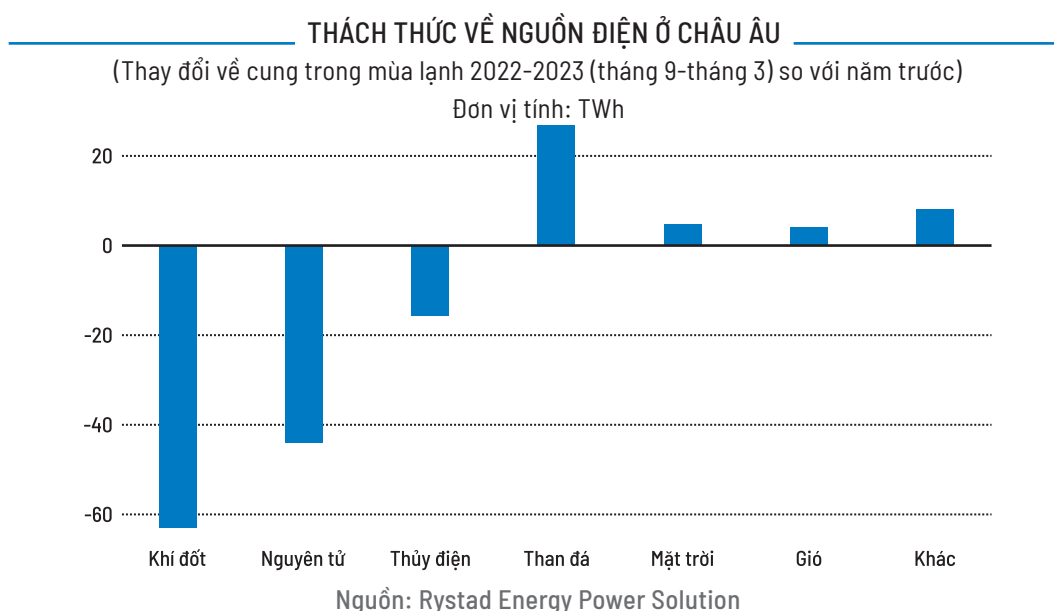
Trong bối cảnh hiện nay, các DN sản xuất phân bón trong nước cần phát huy tối đa công suất và tìm mọi cách giảm chi phí, hạ giá thành, đặc biệt là giảm các đầu mối trung gian phân phối phân bón.

4. THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

4.1. Thông tin trong kỳ

4.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Trong khi các ngành công nghiệp ở châu Âu đã cắt giảm tiêu thụ khí đốt, nhu cầu đối với nhiên liệu này trong ngành sản xuất điện lại cao hơn dự báo. Sóng nhiệt và hạn hán đã làm tê liệt hoạt động của các nhà máy thủy điện ở châu Âu, trong khi nước sông ấm lên và sự cố điện hạt nhân ở Pháp đang làm hạn chế nguồn năng lượng nguyên tử.



4.1.2. Thị trường trong nước

Mảng điện khí tiếp tục gặp khó khăn do sản lượng điện huy động giảm sút. Sản lượng mảng nhiệt điện khí, than có thể tiếp tục chịu sự cạnh tranh từ mảng điện tái tạo.

4.2. Dự báo

4.2.1. Thị trường trong nước

Ngành dầu khí đang trông đợi những đột phá từ các dự án mới, mà tiêu biểu là chuỗi điện khí Lô B - Ô Môn. Dự án này dự kiến khởi công ngay trong năm 2022 và kỳ vọng đón dòng khí đầu tiên vào năm 2025. Mỏ khí Lô B với trữ lượng khí ước tính khoảng 107 tỷ m³ sẽ đảm bảo nguồn cung cấp khí cho phát điện, thay thế cho một số mỏ khí đang ở giai đoạn khai thác cuối cùng.

Ngoài ra, 4 nhà máy điện khí tại Trung tâm Điện lực Ô Môn với tổng công suất 3.810 MW sẽ bổ sung nguồn cung điện cho khu vực miền Nam trong tương lai.

Từ cuối năm 2022 khi dự án LNG Thị Vải hoàn thành Việt Nam sẽ thực hiện nhập khẩu LNG với sản lượng hàng năm khoảng 1 triệu tấn, và tiếp tục tăng lên với giai đoạn 2 từ 2025. Theo Dự thảo Quy hoạch phát triển ngành điện 8 đang trình các bộ ngành, quy mô các nhà máy điện sử dụng LNG nhập khẩu đạt 4.000 MW vào năm 2025 và tăng lên 18.000 MW vào năm 2030, tương ứng với nhu cầu LNG khoảng 2,8 triệu tấn/năm và tăng lên 12 triệu tấn/năm.

4.3. Khuyến nghị

Đảm bảo đủ nhiên liệu để vận hành an toàn và ổn định các nhà máy điện, phối hợp với PV GAS, TKV và các đơn vị cung cấp dầu để đảm bảo cung ứng đủ nhiên liệu (khí, than, dầu) cho các nhà máy điện.

Tiếp tục nghiên cứu triển khai phát triển các dự án điện năng lượng tái tạo.

Có thể làm giảm chi phí hệ thống điện theo ít nhất 4 cách: giảm chi phí vận hành và bảo trì; nâng cao hiệu suất nhà máy điện và mạng lưới truyền tải; giảm thời gian ngừng hoạt động trong và ngoài kế hoạch; kéo dài thời gian hoạt động.

Tập trung đào tạo, xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, có trình độ quốc tế và khu vực, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

Tiếp tục đẩy mạnh đào tạo các chuyên đề về chuyển đổi số, thị trường bán lẻ điện cạnh tranh, dịch vụ khách hàng, đào tạo nâng cao công tác quản lý - vận hành, bảo trì- sửa chữa lưới điện và nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 10/2022

PHỤ LỤC I

KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 9 NĂM 2022

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Tháng 9 2022	Quý III 2022	9 tháng 2022	Tỷ lệ so sánh (%)				
						A	B	C	D	
1	Tăng trưởng GDP		n/a		-	-	-	113,67	8,83	
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)		n/a		n/a	-	-	112,91	109,63	
3	Hoạt động của doanh nghiệp									
3.1	Thành lập mới									
	- Về số lượng	DN	11.466		112.800	96,2	294,1		131,92	
	- Về số vốn đăng ký	Tỷ đồng	136.000		1.270.000	104,5	217,9		106,4	
	- Về vốn đăng ký bình quân	Tỷ đồng	11,9		11,3	108,6	74,1		80,6	
	- Về số lao động đăng ký	Người	61.900		758.100	82,3	124,1		116,8	
3.2	Quay lại hoạt động	DN	5.118		50.500	79,3	154,3		156,1	
3.3	Rút lui khỏi thị trường									
	- Ngừng kinh doanh có thời hạn	DN	2.935		62.500	78,1	131		138,7	
	- Chờ làm thủ tục giải thể	DN	4.187		36.300	94	166,9		112,1	
	- Hoàn tất giải thể	DN	1.516		13.800	77,6	250,2		108	
4	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội									
4.1	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN	Nghìn tỷ	-		544,9	-	-		116,1	
4.2	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD	-		18,7	-	-		84,7	
4.3	Vốn FDI thực hiện	Tỷ USD	-		15,43	-	-		116,3	
4.4	Đầu tư ra nước ngoài (vốn cấp mới và tăng thêm)	Triệu USD	-		347,4	-	-		230	
5	Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa									
5.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	29,94	96,5	282,52	85,7	117,2	117,2	117,3	
5.2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tỷ USD	28,8	90,7	276	92,7	118,1	108,1	113	
5.3	Cán cân thương mại	Tỷ USD	Xuất siêu 1,4		Xuất siêu 6,52	-	-		-	
6	Chỉ số giá					A	B	C	D	E
6.1	Chỉ số giá tiêu dùng					104	103,94	103,32	102,73	104,1
6.2	Chỉ số giá vàng					98,29	104,06	106,22	101,34	
6.3	Chỉ số giá Đô la Mỹ					100,53	103,45	100,37	102,87	
6.4	Lạm phát cơ bản					100,47	103,82	101,88		

A: Tháng 9/2022 so với tháng trước

B: Tháng 9/2022 so với tháng 9/2021

C: Quý III so với cùng kỳ năm 2021

D: 9 tháng năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021

E: Tháng 9/2022 so với tháng 12/2021



Ảnh bìa: Tất cả chỉ số PMI ngành sản xuất đều báo hiệu sự suy giảm sắp tới.

 Pexels



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ
PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH
phối hợp thực hiện